

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HS-ST
Ngày: 04 -8 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn Út C, sinh năm: 1969, nơi sinh: tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: 86/1 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn B (chết) và bà Phạm Thị N (chết); vợ: Nguyễn Thị E, có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2011).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

- Bị hại: Ông Đoàn Văn R, sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969; cùng địa chỉ: 62/4 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B (cùng có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị E, sinh năm: 1974; địa chỉ: 86/1 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B (có mặt).

+ Chị Đoàn Thị Y B, sinh năm: 1994 và anh Đoàn Văn Tiểu K, sinh năm: 1996; cùng địa chỉ: 62/4 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B (có mặt).

+ Chị Đoàn Thị Mỹ Phi, sinh năm: 1999; địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh T (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Anh Lê Văn T, sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị Ngọt, sinh năm: 1956; địa chỉ: 48/4 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có tranh chấp ranh đất nên ông Đoàn Văn R và Huỳnh Văn Út C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 19 tháng 6 năm 2021, C nhìn thấy ông R vừa đi cắt cỏ về nên đến đồng rơm cạnh căn chòi canh giữ ruộng của C, lấy 01 đoạn cây hình trụ dài 120cm, đường kính lớn nhất 3,6cm, đường kính nhỏ nhất 2,7cm mang đến phần ranh đất đang tranh chấp và kêu ông R đến cặm lại ranh đất. Ông R đến thì hai bên tiếp tục xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã tại ranh đất tranh chấp ở ấp T, xã B, huyện T, tỉnh B. Khi đó, C đứng đối diện với ông R, hai tay cầm đoạn cây, đánh 01 cái trúng vào đầu của ông R. C tiếp tục đánh cái thứ hai vào đầu của ông R thì ông R dùng hai tay đỡ nên trúng vào khuỷu tay trái, cánh tay phải của ông R. Tiếp đến, ông R xông vào ôm giữ chân của C. C tiếp tục dùng đoạn cây đánh nhiều cái trúng vào vai và lưng của ông R làm ông R ngã xuống đất, hai tay của ông R vẫn ôm giữ chân C và kêu bà Nguyễn Thị Hạnh (vợ của ông R) ra phụ giúp để đánh lại C. Nghe tiếng ông R kêu cứu, bà H cầm 01 mảnh gỗ chạy ra chỗ C đang đứng. Bà H đứng đối diện với C, hai tay cầm mảnh gỗ giơ lên định đánh C thì bị C dùng cây đánh rớt mảnh gỗ. C tiếp tục dùng đoạn cây đánh nhiều cái vào người bà H, bà H đưa tay đỡ nên bị trúng vào 02 tay. Sau đó, C vùng vẫy nên thoát ra được rồi nhảy xuống ao nước đi về chòi của mình.

Vật chứng được thu giữ gồm: 01 đoạn cây hình trụ dài 120cm, đường kính lớn nhất 3,6cm, đường kính nhỏ nhất 2,7cm.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, ông R và bà H có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Huỳnh Văn Út C và yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại do thương tích gây ra.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 1205/GCN-TTYT ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của ông Đoàn Văn R như sau: vết thương vùng đỉnh đầu (T) dài khoảng 10cm, sâu 0,5cm, bờ gọn; sây sát da vùng khuỷu (T); vết bầm da vùng 1/3 trên cánh tay (P) dài khoảng 12cm, rộng 02cm. Tình trạng thương tích lúc ra viện: X-Quang chưa ghi nhận tổn thương xương; bệnh tình, sinh hiệu ổn – xuất viện.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 1210/CN-TTYT ngày 20 tháng 8 năm 2021 và Công văn số 1321/TTYT – KHNVT ngày 13 tháng 9 năm 2021, của Trung tâm Y tế huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, ghi nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của bà Nguyễn Thị H như sau: ngón V bàn tay phải sưng bầm da; cổ tay phải sưng bầm biến dạng. Tình trạng thương tích lúc ra viện: bệnh tình, sinh hiệu ổn; X-Quang gãy mất cả cổ tay phải; điều trị ngoại trú.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 226-921/TgT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Đoàn Văn R là 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tày gây ra. Thương tích không để lại cố tật cho Đoàn Văn R.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 228-921/TgT ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Nguyễn Thị H là 06%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tày gây ra. Thương tích không để lại cố tật cho Nguyễn Thị H.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định số 08, 09 trưng cầu giám định lại lần thứ nhất đối với Đoàn Văn R và Nguyễn Thị H nhằm xác định rõ cơ chế hình thành vết thương.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 13/22/TgT và số 14/22/TgT, cùng ngày 28/12/2021 của Phân Viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của bị hại Đoàn Văn R và Nguyễn Thị H do vật tày tác động trực tiếp gây nên; đoạn cây gửi giám định có thể gây ra được thương tích cho Đoàn Văn R và Nguyễn Thị H. Hiện Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế không đưa ra các tiêu chí, quy định đánh giá về mặt thẩm mỹ nên Phân Viện không kết luận.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, Cơ quan điều tra tiếp tục ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 01/QĐ-ĐTTH và số 02/QĐ-ĐTTH trưng cầu Phân Viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định cơ chế hình thành thương tích của ông Đoàn Văn R và Nguyễn Thị H (lời khai, kết quả thực nghiệm của Huỳnh Văn Út C hay lời khai, kết quả thực nghiệm của bị hại Đoàn Văn R và Nguyễn Thị H có khả năng gây ra các thương tích nêu trong giấy chứng nhận thương tích).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 36BS/22/TgT ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Phân Viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: trong trường hợp ông Huỳnh Văn Út C dùng đoạn cây là vật chứng trong vụ án đánh ông Đoàn Văn R như theo lời khai của ông R thì có thể gây ra thương tích cho ông R. Trong trường hợp ông Huỳnh Văn Út C dùng đoạn cây là vật chứng trong vụ án đánh ông Đoàn Văn R theo như lời khai của ông C thì không thể gây ra thương tích cho ông R.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 37BS/22/TgT ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Phân Viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: trong trường hợp ông Huỳnh Văn Út C dùng đoạn cây nêu trên đánh

ông Đoàn Văn R khi bà Nguyễn Thị H đứng gần như theo lời khai của ông C thì không thể gây ra thương tích cho bà H. Trong trường hợp ông Huỳnh Văn Út C dùng đoạn cây nêu trên đánh bà Nguyễn Thị H theo như lời khai của bà H thì có thể gây ra thương tích cho bà H.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ông R yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 68.890.617 đồng do thương tích gây ra, gồm: chi phí cấp cứu và điều trị thương tích: 10.400.617 đồng; tổn thất tiền công lao động do thương tích: 27.000.000 đồng; chi phí thẩm mỹ lại vết thương: 30.000.000 đồng; tổn thất tinh thần: 1.490.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 35.111.000 đồng do thương tích gây ra, gồm: chi phí cấp cứu và điều trị thương tích: 1.891.000 đồng; tổn thất tiền công lao động do thương tích: 18.750.000 đồng; chi phí ăn uống bồi dưỡng: 10.000.000 đồng; tổn thất tinh thần: 4.470.000 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị hại ông R, bà H cùng có Đơn xin thay đổi mức bồi thường thiệt hại cụ thể như sau: Bị hại ông R yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 16.190.617 đồng do thương tích gây ra, gồm: chi phí cấp cứu, điều trị thương tích và bồi dưỡng sức khỏe: 10.400.617 đồng; tổn thất tiền công lao động do thương tích: 3.300.000 đồng; thuốc làm mờ sẹo: 1.000.000 đồng; tổn thất tinh thần: 1.490.000 đồng. Bị hại bà H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 21.361.000 đồng do thương tích gây ra, gồm: chi phí cấp cứu, điều trị thương tích và ăn uống bồi dưỡng: 1.891.000 đồng; tổn thất tiền công lao động do thương tích: 15.000.000 đồng; tổn thất tinh thần: 4.470.000 đồng,

Ông R đồng ý khấu trừ số tiền 11.890.617 đồng mà ông R đã nhận bồi thường trong quá trình điều tra và đồng ý khấu trừ số tiền 2.650.000 đồng trong số tiền 5.491.000 đồng bị cáo đã nộp tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre là phần bồi thường thiệt hại cho ông và đồng ý bị cáo tiếp tục bồi thường cho ông là 1.650.000 đồng. Bà H đồng ý khấu trừ số tiền 2.841.000 đồng trong số tiền 5.491.000 đồng bị cáo đã nộp tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre là phần bồi thường thiệt hại cho bà và đồng ý bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà là 18.520.000 đồng.

Bị cáo đã giao cho bị hại ông R số tiền 11.890.617 đồng và đồng ý khấu trừ số tiền 2.650.000 đồng trong số tiền 5.491.000 đồng đã nộp tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre là phần bồi thường thiệt hại cho ông R. Số tiền còn lại là 2.841.000 đồng bị cáo đồng ý bồi thường trước một phần thiệt hại cho bị hại bà H. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý tất cả các khoản yêu cầu bồi thường của ông R và bà H đã trình bày tại tòa, đồng ý bồi thường tiếp cho ông R là 1.650.000 đồng và bà H là 18.520.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 35/CT-VKS, ngày 20-6-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn Út C về “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận phát biểu quan điểm: Căn cứ vào cơ sở các kết luận giám định khoa học và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có

đủ căn cứ xác định bị cáo Huỳnh Văn Út C chính là người dùng đoạn cây đánh gây thương tích cho ông Đoàn Văn R và bà Nguyễn Thị H đúng như lời khai và kết quả thực nghiệm của ông R và bà H. Lời khai, kết quả thực nghiệm theo lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là không đúng với sự thật khách quan của vụ án. Vị đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Huỳnh Văn Út C và đề nghị Hội đồng xét xử các nội dung sau:

- Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo: đề nghị áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 134; điểm b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Út C từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 13, 584, 586, 590 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa 02 bị hại và bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại ông R tổng số tiền 16.190.617 đồng, khấu trừ 11.890.617 đồng ông R và đã nhận khấu trừ 2.650.000 đồng đối với số tiền 5.491.000 đồng đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông R số tiền 1.650.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại bà H tổng số tiền 21.361.000 đồng khấu trừ với số tiền 2.841.000 đồng đối với số tiền 5.491.000 đồng đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị H số tiền 18.520.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy hung khí gây án: 01 (một) đoạn cây hình trụ dài 120cm, đường kính lớn nhất 3,6cm, đường kính nhỏ nhất 2,7cm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 6 năm 2022.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận thương tích của bị hại R là 03% và bị hại H là 06 % đều do chính bị cáo gây ra, đồng ý các kết luận giám định về thương tích, giám định về cơ chế hình thành thương tích cũng như các kết luận giám định bổ sung không khiếu nại, không yêu cầu giám định lại cũng như giám định bổ sung. Đồng thời bị cáo khẳng định trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo tự nguyện khai báo không bị ép buộc, bức cung, dùng nhục hình. Tuy nhiên về tư thế, chiều hướng, phương thức mà bị cáo gây thương tích cho các bị hại, cách thức bị hại bà H tiếp cận bị cáo trong toàn bộ chuỗi diễn biến sự việc thì bị cáo không thừa nhận nội dung như Cáo trạng đã quy kết đối với bị cáo.

Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, gửi lời xin lỗi các bị hại và có yêu cầu không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường thiệt hại về sức khỏe theo yêu cầu của các bị hại.

Tại phiên tòa các bị hại vẫn tiếp tục giữ yêu cầu khởi tố và đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo về hành vi đã gây thương tích cho 02 bị hại. Bị hại Đoàn Văn R và Nguyễn Thị H thừa nhận có một phần lỗi trong quá trình bị cáo gây thương tích cho 02 bị hại. Đối với bị hại Đoàn Văn R có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị hại Nguyễn Thị H đề nghị xử lý theo quy định pháp luật. Về trách

nhiệm dân sự: ông R yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 1.650.000 đồng; bà H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 18.520.000 đồng.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Y B, chị Đoàn Thị Mỹ Phi, anh Đoàn Văn Tiểu K tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu bồi thường đối với bị cáo trong quá trình điều tra, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền mất thu nhập trong thời gian chăm sóc 02 bị hại. Đối người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Em trình bày: số tiền mà bị cáo đã bồi thường cho các bị hại là tài sản chung của chị và bị cáo trong thời kỳ hôn nhân nhưng bị cáo là chồng chị nên chị tự nguyện thống nhất giao nộp các khoản tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại mà không có yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo vì sẽ gây ảnh hưởng đến việc học hành, làm ăn của các con bị cáo sau này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Trên cơ sở xem xét toàn diện vật chứng đã thu giữ, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng với lời khai của 02 bị hại, kết quả đối chất, kết quả thực nghiệm điều tra, cùng các kết luận giám định pháp y về thương tích, kết luận giám định về cơ chế hình thành vết thương của 02 bị hại đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đồng thời bị cáo và 02 bị hại cũng đồng ý các kết luận giám định này, không khiếu nại. Do đó đủ căn cứ xác định các kết luận giám định đã phản ánh đúng thực tế khách quan diễn biến hành vi phạm tội và phương thức bị cáo đã gây nên thương tích cho 02 bị hại. Mặc dù trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai: bị cáo không đánh vào đầu ông R mà chỉ quơ đoạn cây dưới chân ông R và ông R dùng 02 tay đỡ. Khi ông R ôm chân bị cáo và gọi bà H chạy ra. Bị cáo nhìn thấy bà H cầm miếng gỗ chạy từ trong chuồng bò ra rồi đứng phía sau bị cáo, bị cáo quơ đoạn cây ra phía sau không biết có trúng bà H, ông R hay không thì bị cáo không rõ. Nhưng lời khai này thông qua các kết luận giám định pháp y về thương tích, các kết luận giám định cơ chế hình thành vết thương, kết quả thực nghiệm điều tra và xét hỏi tại phiên tòa cho thấy lời khai của bị cáo là không phù hợp thực tế khách quan, không có cơ sở chấp nhận. Bị cáo thừa nhận hậu quả thương tích của 02 bị hại nhưng khai không đúng diễn biến hành vi đã thực hiện là sự quanh co, ngoan cố của bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 19 tháng 6 năm 2021, tại khu vực ranh đất đang tranh chấp, bị cáo Huỳnh Văn Út C và ông Đoàn Văn R xảy ra mâu thuẫn, cãi vã về ranh đất. Khi đó, Huỳnh Văn Út C đã dùng đoạn cây đánh nhiều cái vào người ông Đoàn Văn R và bà Nguyễn Thị H (vợ ông R) gây ra thương tích ở đỉnh đầu trái, khuỷu tay trái, cánh tay phải của ông Đoàn Văn R và gây ra thương tích ở bàn tay phải, cổ tay phải, gãy mắt cá cổ tay phải của bà Nguyễn Thị H. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho Đoàn Văn R là 03% và cho bà Nguyễn Thị H là 06%. Vì vậy bản Cáo trạng số 35/CT-VKS, ngày 20 - 6 - 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú truy tố bị cáo Huỳnh Văn Út C về “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

..."

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn Út C là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của 02 bị hại một cách trái pháp luật, gây khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt B thường của 02 bị hại, tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra bị cáo Huỳnh Văn Út C đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo C có anh ruột - ông Huỳnh Văn D là người có công với cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình được UBND xã Bình Thạnh xác nhận; bị hại cũng có một phần lỗi, bị hại Đoàn Văn R có yêu cầu giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy việc bị cáo có yêu cầu không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ đây là trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại, tại phiên tòa các bị hại vẫn giữ yêu cầu khởi tố và xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại Điều 155 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo C gây thương tích cho 02 bị hại mặc dù không là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng cần xem xét đánh giá mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo khi lượng hình. Tuy nhiên xét thấy, bị cáo C có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ Luật hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương cùng gia đình quản lý, giáo dục bị cáo là phù hợp nhưng vẫn đảm bảo tính răn đe của pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Xem xét ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và 02 bị hại. Bị cáo phải bồi thường cho bị hại ông R tổng số tiền 16.190.617 đồng, khấu trừ 11.890.617 đồng ông R đã nhận và khấu trừ 2.650.000 đồng đối với số tiền 5.491.000 đồng đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông R số tiền 1.650.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại bà H tổng số tiền 21.361.000 đồng khấu trừ với số tiền 2.841.000 đồng đối với số tiền 5.491.000 đồng đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị H số tiền 18.520.000 đồng phù hợp.

[8.2] Xem xét ghi nhận những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Y B, chị Đoàn Thị Mỹ P, anh Đoàn Văn Tiểu K không có yêu cầu gì về trách nhiệm bồi thường tiền mất thu nhập trong thời gian chăm sóc 02 bị hại. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị E không yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền bồi thường cho 02 bị hại là tài sản chung của vợ chồng.

[9] Về xử lý vật chứng: như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận.

[10] Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn Út C phạm tội “Cố ý gây thương tích”,

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Út C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 04/8/2022.

Giao bị cáo Huỳnh Văn Út C cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và 02 bị hại tại phiên tòa. Ghi nhận việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Đoàn Văn R số tiền 11.890.617 đồng và đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.491.000 đồng để tiếp tục bồi thường cho 02 bị hại trong giai đoạn điều tra vụ án.

2.1. Buộc bị cáo Huỳnh Văn Út C phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Đoàn Văn R số tiền 1.650.000 đồng và bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 18.520.000 đồng.

2.2. Đối với số tiền 5.491.000 đồng bị cáo đã giao nộp trong quá trình điều tra để bồi thường thiệt hại cho 02 bị hại được xử lý như sau: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú giao số tiền 2.650.000 đồng cho ông Đoàn Văn R và giao số tiền 2.841.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H trong số tiền 5.491.000 đồng được thu theo Quyết định chuyển vật chứng số 28/QĐ-VKS ngày 20/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0001667 ngày 27/6/2022.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn cây hình trụ dài 120cm, đường kính lớn nhất 3,6cm, đường kính nhỏ nhất 2,7cm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 6 năm 2022.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo Huỳnh Văn Út C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.008.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- VKSND huyện Thanh Phú;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thanh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung